

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/ HNGĐ – ST.

Ngày: 09 - 9 - 2019.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

2/ Bà Phan Thị Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 131/2019/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019. Về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 17/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đông H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: 36/15/40 Bùi Tư Toàn, khu phố 4, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn : Anh Hà Ngọc Nhân T – Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/3/2019 và tại bản khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị với anh T cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 10 năm. Sau khi cưới do điều kiện công việc nên mỗi người

sống ở mỗi nơi, thời gian vợ chồng gặp nhau rất ít. Trong cuộc sống anh T là một người chồng lãng nhãng, anh thường xuyên nhắn tin điện thoại cho người phụ nữ khác. Chị cũng mong muốn vợ chồng sống gần nhau để cải thiện tình cảm, nhưng anh T không chịu nghỉ công việc ngoài quê để vào thành phố ở với chị, mặc dù trước khi cưới anh T đã hứa sẽ vào ở với chị, nhưng anh T không thực hiện. Thậm chí trong thời gian chị mang thai, sinh con anh T cũng không quan tâm, bỏ mặc chị một mình. Vợ chồng sống xa nhau, nhiều lần chị đã cố gắng thường xuyên liên lạc để gắn kết tình cảm, nhưng anh T không có trách gì để vợ chồng hàn gắn, mà còn quan hệ tình cảm hết người này đến người khác. Chị nhận thấy không thể chấp nhận một người chồng như vậy, chị không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Ngọc Nhân T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Ngọc Thanh N – sinh ngày 14/5/2016. Hiện con đang ở với chị N.

Khi ly hôn chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh T để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh T cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh T vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Hà Ngọc Nhân T và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Anh Hà Ngọc Nhân T có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh Hà Ngọc Nhân T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh T .

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về Hôn nhân:* Chị N và anh T cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới vợ chồng không sống chung với nhau, mỗi người sống mỗi nơi, thời gian vợ chồng gặp nhau rất ít, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt và vợ chồng đối xử lạnh nhạt nhau. Ngoài ra do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cách giải quyết các vấn đề của cuộc sống, nên không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến ghen tuông, nghi ngờ nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Hà Ngọc Nhân T. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa để hòa giải, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa chị N với anh T không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị N là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Ngọc Thanh N – sinh ngày 14/5/2016. Hiện con đang ở với chị N. Tại phiên Tòa chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của chị N thấy rằng hiện nay cháu Ngân còn rất nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của chị và từ trước đến nay cháu Ngân cũng ở cùng với chị N, nên việc chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình thụ lý giải quyết chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ. Tại phiên Tòa hôm nay chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật. Xét thấy Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn Nhân gia đình quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*” và tại Điều 16 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định “*Nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng được xác định căn cứ vào mức sinh hoạt trung bình tại địa phương nơi người được cấp dưỡng cư trú, bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để đảm bảo cuộc*

sống của người được cấp dưỡng”. Như vậy, việc chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp. Căn cứ theo tình hình mức chi phí sinh hoạt tại địa phương và hiện nay chị N cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện mức thu nhập của anh T. Do vậy, nên buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu Ngân mỗi tháng là 1.200.000đồng cho đến khi cháu Ngân đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[2.3]*Về tài sản và nợ*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Hà Ngọc Nhân T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Hà Ngọc Nhân T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72 Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Hà Ngọc Nhân T.

2/ Về con chung: Giao con tên Hà Ngọc Thanh N – sinh ngày 14/5/2016 cho chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Ngọc Nhân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Hà Ngọc Thanh Ngân – sinh ngày 14/5/2016 mỗi tháng 1.200.000đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh T được quyền trông nom, chăm sóc giáo dục các con chung, không ai được quyền cản trở.

“ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí : Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026497 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Anh Hà Ngọc Nhân T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (Phần cấp dưỡng nuôi con).

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết